

BẢO VỆ QUYỀN CỦA PHỤ NỮ BẰNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

ThS. Chu Thị Trang Vân

Bộ môn Tư pháp hình sự, Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội

Tôn trọng và bảo vệ quyền công dân, quyền con người đã, đang là một nỗ lực, phương châm hoạt động của Nhà nước Việt Nam. Trong điều kiện hiện nay, khi chúng ta đang thực hiện quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN thì điều này càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết và là một đòi hỏi cấp bách. Một trong những nhóm công dân được hưởng chính sách bảo hộ đặc biệt của Nhà nước ta là phụ nữ. Cơ chế bảo hộ pháp luật đối với phụ nữ ở Việt Nam được thực hiện thông qua một số hướng cơ bản sau:

- Thứ nhất, ghi nhận trong pháp luật các quyền của phụ nữ trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng giữa công dân nam và nữ;
- Khẳng định một số quyền lợi có tính chất đặc thù của phụ nữ;
- Quy định các chế tài và thủ tục giải quyết các hành vi xâm phạm các quyền lợi của phụ nữ.

Luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam tham gia bảo vệ các quyền của con người nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng bằng cách tạo ra một cơ chế pháp lý bảo vệ cho các quyền đó không bị những hành vi phạm tội xâm hại tới. Trong đó, luật hình sự là ngành luật về nội dung, bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và các hình thức trách nhiệm pháp lý hình sự có thể được áp dụng đối với những người phạm tội (bao gồm hình phạt và các biện pháp cưỡng chế hình sự khác). Luật tố tụng hình sự là một

ngành luật thủ tục, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành quy định về trình tự, thủ tục giải quyết một vụ án hình sự, từ điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng.

1. BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI PHỤ NỮ

Trong hệ thống pháp luật của bất kỳ Nhà nước nào cũng dành một phần đáng kể quy định về phụ nữ, trong đó chủ yếu là các quy định bảo vệ quyền lợi của đối tượng này. Tuy nhiên, ở mỗi Nhà nước khác nhau thì những quy định điều chỉnh các vấn đề quyền lợi của phụ nữ cũng khác nhau, điều đó phụ thuộc vào bản chất của mỗi Nhà nước. Sự phát triển của ngành luật hình sự nói chung và công cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi của phụ nữ thông qua các quy định pháp luật hình sự nói riêng luôn gắn liền với sự phát triển của các điều kiện kinh tế, xã hội, với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và quá trình phát triển nền dân chủ XHCN của đất nước. Với bản chất ưu việt của xã hội ta hiện nay, nội dung của việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ được thể hiện rõ nét và toàn diện hơn trong Bộ luật hình sự và đặc biệt là Bộ luật hình sự mới được Quốc hội thông qua ngày 21/12/1999 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2000.

Bộ luật hình sự 1999 đã có những quy định đặc thù về đường lối xử lý hình sự liên quan đến người phụ nữ. Cụ thể là:

Lần đầu tiên pháp luật hình sự Việt Nam ghi nhận nguyên tắc bình đẳng trong Khoản 2 Điều 3 BLHS 1999 là "*Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội*". Điều này thể hiện sự nhìn nhận của Nhà nước ta về sự bình đẳng, trong đó có bình đẳng giới, dưới góc độ xử lý về hình sự. Tuy nhiên, phụ nữ luôn luôn là đối tượng đặc biệt được Nhà nước bảo hộ. Trong chính sách hình sự, việc bảo hộ quyền của người phụ nữ và thể hiện tư tưởng bình đẳng giới trên hai hướng cơ bản là: Khi người phụ nữ là chủ thể của tội phạm và khi người phụ nữ là đối tượng xâm hại của tội phạm.

1. Khi người phụ nữ là chủ thể của tội phạm

Về nguyên tắc khi phụ nữ thực hiện hành vi phạm tội thì phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) bình thường như trong trường hợp nam giới phạm tội. Tuy nhiên khi truy cứu TNHS cũng như xử lý về hình sự đối với phụ nữ phạm tội, Nhà nước có cân nhắc đến các yếu tố giới và chức năng giới của họ. Thể hiện là:

- Trong số các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định trong Phần chung của BLHS được cân nhắc khi quyết định hình phạt có tình tiết: "*Người phạm tội là phụ nữ có thai*" (Điểm 1, Khoản 1, Điều 46 BLHS). Điều đó có nghĩa là Nhà nước có sự khoan dung, độ lượng đối với trường hợp một phụ nữ đang mang thai phạm tội. Đây là thời kỳ người phụ nữ có những thay đổi về tâm, sinh lý và đó cũng là một trong những điều kiện ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của họ.

+ VD: *Chị D là Thủ quỹ của Công ty X đã phạm Tội tham ô tài sản theo Khoản 1 Điều 278 BLHS (khung hình phạt là từ 2 năm đến 7 năm). Nhưng vì chị D đang có thai nên căn cứ vào Điểm 1, Khoản 1, Điều 46, Toà án chỉ tuyên hình phạt cho chị D 2 năm tù.*

- Không được phép áp dụng hình phạt tử hình đối với người chưa thành niên, đối với phụ nữ mang thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng khi họ phạm tội hoặc khi họ bị xét xử. Nếu đã tuyên hình phạt tử hình đối với phụ nữ, nhưng tại thời điểm thi hành án họ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng thì hình phạt tử hình không được thi hành mà phải chuyển đổi thành hình phạt tù chung thân (Điều 35/BLHS).

- Trong trường hợp phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi phạm tội bị kết án tù thì được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi. (Điểm b Khoản 1 Điều 61/BLHS và Khoản 1 Điều 62 /BLHS)

- Tư tưởng "*trọng nam, khinh nữ*" trong một thời gian đã ăn sâu vào tâm trí người dân Việt Nam, nhất là ở nông thôn với quan niệm "*có con trai để nối dõi tông đường*" đã gây không ít áp lực cho người phụ nữ khi sinh con gái. Mặt khác, việc quá coi trọng trình tiết người phụ nữ, thái độ lên án mạnh mẽ của gia đình và xã hội đối với phụ nữ mang thai ngoài giá thú ... đã khiến người phụ nữ có những hành

động phạm tội. BLHS 1999 có quy định Tội giết con mới đẻ (Điều 94) trên cơ sở tách ra từ Khoản 4 Điều 101 BLHS 1985 để xử lý hình sự đối với người mẹ do ảnh hưởng của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ đứa trẻ đó dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Trong trường hợp này, người phụ nữ phạm tội do hoàn cảnh lạc hậu, do định kiến xã hội, do sức ép gia đình, xã hội và sự hổ thẹn của bản thân... nên đã giết đứa con mới đẻ của mình. Nhưng khi truy cứu TNHS đối với họ, Nhà nước đã cân nhắc hoàn cảnh phạm tội đó mà quy định khung hình phạt nhẹ hơn tội giết người thông thường. Tuy nhiên, pháp luật không quy định đứa trẻ sinh ra được bao nhiêu ngày thì gọi là mới đẻ nhưng thực tiễn xét xử đã thừa nhận đứa trẻ mới đẻ là đối tượng tác động của tội phạm này là đứa trẻ tối đa là 7 ngày tuổi. Từ ngày thứ 8 trở đi, nếu người mẹ nào giết con mình thì không coi là giết con mới đẻ nữa ¹.

2. Khi phụ nữ là đối tượng xâm hại của tội phạm

Xuất phát từ góc độ là đối tượng tác động của tội phạm thì phụ nữ - với tư cách là các công dân nữ - có thể là đối tượng tác động của bất kỳ một hành vi phạm tội nào mà đối tượng tác động là con người và quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại là các quyền của con người nói chung. Những hành vi phạm tội đó được quy định rõ trong các chương: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người (Chương XII), các tội xâm phạm các quyền tự do dân chủ của công dân (Chương XIII), các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV), các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình (Chương XV), các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Chương XIX) và các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Chương XXIV). Tuy nhiên, được xem là "phái yếu" trong xã hội, bị hạn chế về thể chất, tâm lý, khả năng tự vệ nên phụ nữ thường là đối tượng trước tiên của những hành vi bạo lực xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Đặc biệt là sự xâm hại về mặt tinh dục

¹ THS Đinh Văn Quế - Toà án nhân dân tối cao - Bình luận Khoa học Bộ luật hình sự phân các tội phạm (Tập 1) - Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh - 2002, trang 54.

được xem là những hành vi nghiêm trọng nhất đối với phụ nữ cần phải bị trừng trị nghiêm khắc.

Trong phần chung của BLHS có quy định tình tiết tăng nặng TNHS "*Phạm tội đối với phụ nữ có thai*" là tình tiết tăng nặng khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội (Điểm h, Khoản 1, Điều 49). Tình tiết này cũng được sử dụng là tình tiết tăng nặng định khung ở một số tội trong phần các tội phạm cụ thể. Điều này có nghĩa là nếu tội phạm tác động vào đối tượng là phụ nữ có thai thì bị xem là nghiêm trọng hơn trường hợp tác động vào người bình thường khác, không phụ thuộc vào việc người thực hiện hành vi phạm tội có biết người phụ nữ có thai hay không. Chỉ cần xác định định người phụ nữ đó mang thai thì đủ cơ sở áp dụng tình tiết này.

Lưu ý rằng, trong BLHS hiện hành không có một chương riêng biệt để quy định các hành vi phạm tội xâm phạm quyền của người phụ nữ. Quyền của phụ nữ là các khả năng mà phụ nữ được hưởng được pháp luật quy định trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống như chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, tự do cá nhân...Hành vi phạm tội đã gây thiệt hại cho các quyền của người phụ nữ thông qua tác động (trực tiếp hoặc gián tiếp) vào chủ thể của quyền đó là người phụ nữ. Sau đây chúng ta sẽ xem xét một số tội phạm cụ thể bị cấm trong BLHS nhằm bảo vệ con người nói chung và trong đó có những quy định đặc thù liên quan đến người phụ nữ (cả trên phương diện pháp luật thực định và trong thực tiễn đời sống).

a. Tội giết người và các tội xâm phạm tính mạng người phụ nữ

Tội giết người được qui định tại Điều 93 Bộ luật hình sự nhằm bảo vệ tính mạng của mọi công dân trong xã hội. Giết người là hành vi tước bỏ tính mạng của người khác một cách trái pháp luật bằng mọi hình thức, mọi thủ đoạn, có thể bằng các sử dụng vũ khí, công cụ, phương tiện như: dao, súng...hoặc dùng sức mạnh thể chất của cơ thể như: đấm, đá, bỏ thuốc độc...Hành vi giết người có thể được thực hiện bằng hình thức hành động (*ví dụ như dùng dao đâm người*) hoặc không hành động (*ví dụ như bác sĩ cố tình không cho bệnh nhân uống thuốc để bệnh nhân chết*). Giết người là tội phạm có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội. Tuy nhiên, trong thực tế không phải

trường hợp nào cũng giống nhau. Vì vậy, BLHS qui định các khung hình phạt để áp dụng cho phù hợp với tính chất và mức độ của từng trường hợp phạm tội. Trong đó nếu như giết phụ nữ mà biết là có thai (Điểm b, Khoản 1) thì sẽ bị xử theo Khung 1 (khung tăng nặng với hình phạt là phạt tù từ 12 đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình).

Ngoài tội giết người được qui định tại Điều 93 BLHS như đã trình bày ở trên, Bộ luật hình sự còn qui định các tội phạm khác nhằm bảo vệ tính mạng con người nói chung (trong đó có phụ nữ) ở các Điều từ 94 đến Điều 103. Trong số các tội đó có Tội bức tử (Điều 100 BLHS) trên thực tế nạn nhân thường là phụ nữ. Tội này truy cứu TNHS đối với hành vi của người đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát thì bị phạt từ 2 năm đến 7 năm hoặc từ 5 năm đến 12 năm trong trường hợp làm nhiều người tự sát. Hiện nay chúng ta đã biết đến nạn bạo lực gia đình đang diễn ra rất nhiều mà ở đó người chồng đánh đập, hành hạ vợ, con. Sự bạo lực đó có thể không những chỉ gây ra thương tích về thân thể mà còn cả về tinh thần cho nạn nhân. Không ít người phụ nữ không chịu đựng được sự hành hạ, ngược đãi đó mà tự đã đi tìm đến cái chết. Hành vi của những người chồng, người cha đó phải bị trừng trị nghiêm khắc.

b) Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác và các tội phạm khác nhằm xâm phạm sức khoẻ người phụ nữ.

Sức khoẻ của con người được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến sức khoẻ người khác đều bị pháp luật trừng trị. Điều 104 qui định hành vi của hai tội phạm xâm phạm đến sức khoẻ của con người, đó là: hành vi cố ý gây thương tích và hành vi gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác. Cả hai hành vi này đều xâm hại đến sức khoẻ của người khác nhưng khác nhau ở chỗ hành vi gây thương tích đã để lại thương tích trên thân thể nạn nhân còn hành vi gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác tác động một cách gián tiếp và không để lại thương tích trên thân thể nạn nhân.

Luật hình sự qui định, hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác đến 11% mới phải chịu trách

nhiệm hình sự. Nếu gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dưới mức đó không bị coi là tội phạm trừ những trường hợp do BLHS quy định tại Khoản 1 Điều 104, trong đó có trường hợp phạm tội đối với phụ nữ có thai. Trong trường hợp này cho dù thương tích dưới 11% vẫn bị xử lý về hình sự, không phụ thuộc vào ý thức của người phạm tội là có biết hay không biết người phụ nữ đó có thai.

Ngoài tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như đã trình bày, BLHS còn qui định các tội phạm khác nhằm bảo vệ sức khỏe của con người từ Điều 105 đến Điều 110. Riêng Điều 110 quy định về Tội hành hạ người khác có quy định tình tiết tăng nặng định khung "*Phạm tội đối với phụ nữ có thai*" (Khoản 2). Đây là hành vi của một người đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình một cách có hệ thống (lặp đi lặp lại nhiều lần) gây đau đớn về mặt thể xác và tinh thần cho nạn nhân. Đối với tội này, thông thường nạn nhân cũng là phụ nữ có quan hệ lệ thuộc với người phạm tội (về mặt công tác như thủ trưởng hành hạ nhân viên nữ vì nữ nhân viên này không cho phép ông ta quan hệ tình dục, quan hệ giữa chủ nhà hàng khách sạn với các tiếp viên nữ của mình, quan hệ tôn giáo...).

Ngoài ra, trong Bộ luật hình sự 1999 có một tội cũng trực tiếp xâm phạm tới tính mạng và sức khỏe của người phụ nữ là *Tội phá thai trái phép (Điều 243)*. Tuy nhiên, hành vi phạm tội này được xếp trong Chương XIX: Các tội xâm phạm trật tự công cộng và an toàn công cộng. Trong chế độ ta, con người là vốn quý và được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi phá thai đều ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người phụ nữ, và vì vậy phải được tiến hành tại các cơ sở y tế mới có đủ các điều kiện cần thiết bảo đảm an toàn. Việc quy định tội phạm này trong BLHS nhằm đấu tranh phòng, chống mọi hành vi phá thai trái phép bảo vệ tính mạng, sức khỏe của phụ nữ. Điều luật quy định 3 khung hình phạt với mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù, trong trường hợp phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (như nạn nhân tổn hại sức khỏe nặng, chết..)

c) Các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm người phụ nữ

Trong số các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trong BLHS liên quan đến phụ nữ đáng chú ý hơn cả là các tội

xâm phạm tình dục phụ nữ (nói rõ hơn là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về mặt tình dục của phụ nữ), xâm phạm danh dự nhân phẩm người phụ nữ. Thực tế những năm qua đã cho thấy tình trạng gia tăng của những loại tội phạm này. Bộ luật hình sự quy định các tội xâm phạm tình dục như Tội hiếp dâm (Điều 111 BLHS); Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS); Tội cưỡng dâm (Điều 113 BLHS); Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114 BLHS); Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS); Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116 BLHS);

Hiếp dâm là hành vi của một người dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc dùng thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ. Cưỡng dâm là hành vi của một người dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu với mình. Nếu đối tượng của những hành vi hiếp dâm và cưỡng dâm này là trẻ em từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì mức độ nguy hiểm của hành vi sẽ tăng lên và bị xử theo các Điều 112 (Tội hiếp dâm trẻ em) và Điều 114 (Tội cưỡng dâm trẻ em). Riêng đối với trẻ em dưới 13 tuổi thì mọi hành vi giao cấu (thuận hay không thuận theo ý nạn nhân) đều bị xem là hành vi hiếp dâm trẻ em. Điều này thể hiện rõ thái độ của Nhà nước ta lên án mạnh mẽ với những hành vi lợi dụng sự non nớt về mặt nhận thức của trẻ em mà thực hiện hành vi giao cấu. Trong thực tế đã cho thấy, năm 1999, Toà án nhân dân cấp Tỉnh đã xét xử 652 vụ án với 720 bị cáo về Tội hiếp dâm trẻ em. Kết quả là phạt tử hình 5 bị cáo, tù chung thân 88 bị cáo, tù từ 10 năm □ 20 năm 314 bị cáo ².

Ở Việt Nam, buôn bán phụ nữ và trẻ em là một vấn đề mới nảy sinh trong những năm gần đây. Song song với việc chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hoá, sự hội nhập, sự giao lưu, sự suy đồi về mặt đạo đức của một bộ phận dân cư, sự mong muốn tìm một cuộc sống mới ở "miền đất hứa", thái độ thờ ơ, lãnh đạm, lối sống thực dụng của con người với con người... tất cả những điều đó đã góp phần làm nảy sinh và phát triển những vụ buôn bán trẻ em và phụ nữ. Những kẻ

² Báo cáo tổng kết ngành Toà án năm 1999 của TANDTC số 40BC/VP (11/3/2000)

lấy thân xác của người phụ nữ, trẻ em làm thứ hàng hoá để tiêu thụ theo con đường "thương mại thân xác" cần phải bị trừng trị một cách nghiêm khắc nhất. Bộ luật hình sự nước ta có quy định Điều 119 về Tội Mua bán phụ nữ và Điều 120 về Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em với khung hình phạt rất nặng (đến 20 năm tù - Điều 119 Khoản 2 và tù chung thân ở Điều 120 Khoản 2) cho những hành vi mua bán phụ nữ trẻ em vì mục đích mại dâm, để đưa ra nước ngoài, vì mục đích vô nhân đạo.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự còn có các tội khác xâm phạm danh dự nhân phẩm của người phụ nữ như Tội làm nhục người khác (Điều 121 BLHS).

d) Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân

Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân là những hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm xâm hại đến các quyền tự do, dân chủ của con người (trong đó có người phụ nữ). Đó là các hành vi như bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123 BLHS), xâm phạm chỗ ở của công dân, (Điều 124 BLHS), xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác (Điều 125 BLHS), xâm phạm quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân (Điều 126 BLHS), làm sai lệch kết quả bầu cử (Điều 127 BLHS), hành vi buộc người lao động, cán bộ công chức thôi việc trái pháp luật (Điều 128 BLHS), hành vi xâm phạm quyền hội họp, lập hội, quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của công dân (Điều 129 BLHS), hành vi xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ (Điều 130 BLHS), hành vi xâm phạm quyền tác giả (Điều 131 BLHS) và hành vi xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 132 BLHS).

Trong việc xử lý các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, Bộ luật hình sự quy định một điều riêng để xử lý những hành vi xâm phạm vào quyền bình đẳng của phụ nữ ở Điều 130. Điều này thể hiện rõ nét quan điểm của Nhà nước ta được ghi nhận trong luật hình sự về vấn đề bình đẳng giới. Khái niệm về quyền con người và các quyền tự do cơ bản dành cho cả nam lẫn nữ, không phân biệt đối xử theo giới tính được coi là một trong những đặc điểm của đường lối chính trị của Đảng và Nhà nước ta. Việt Nam ghi nhận sự

bình đẳng giữa nam và nữ trong Hiến pháp - Luật cơ bản của quốc gia và điều đó còn được thể hiện trong các văn bản pháp lý khác của quốc gia. Việt Nam cũng đã tham gia *Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)* thông qua ngày 18.12.1979 (Việt Nam phê chuẩn ngày 19.3.1982). Công ước này khẳng định sự bình đẳng giữa nam và nữ, khẳng định các quyền cơ bản của phụ nữ mà các quốc gia thành viên phải bảo đảm thực hiện. Các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ thực hiện bình đẳng nam nữ trong tất cả mọi lĩnh vực. Sự cam kết quốc tế của Việt Nam cũng đồng nghĩa với việc Việt Nam phải đảm bảo cho việc bình đẳng giới phải thực thi nghiêm chỉnh ở nước mình. Bất kỳ một hành vi của người nào dùng vũ lực, hoặc hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, xã hội thì có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm.

e) Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình

Đối với mỗi chúng ta và đặc biệt đối với người phụ nữ, hôn nhân và gia đình là những điều hệ trọng của cuộc đời. Sự tan vỡ trong hôn nhân, sự bạo lực trong gia đình là nguyên nhân gây ra bất hạnh của biết bao nhiêu phụ nữ. Ở nông thôn đã có những câu chuyện đau lòng sau luỹ tre làng như hai thanh niên nam nữ yêu nhau nhưng vì gia đình ngăn cản nên đã rủ nhau uống thuốc sâu tử tự. Hay những ông bố, bà mẹ vì hám danh lợi mà bắt con chưa đến tuổi thành niên (18 tuổi) phải lấy chồng Việt kiều. Ở thành phố cũng có tình trạng một số người đàn ông có quan hệ bất chính, có vợ bé. Những điều đó xâm phạm đến các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

BLHS quy định chương các tội xâm phạm chế độ Hôn nhân và gia đình tại Chương XV gồm 7 tội là: Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ (Điều 146), Tội vi phạm chế độ 1 vợ 1 chồng (Điều 147), Tội tổ chức tảo hôn, tội tảo hôn (Điều 148), Tội loạn luân (Điều 150) và Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng (Điều 151) và 2 tội mới lần đầu tiên được ghi nhận trong BLHS là Tội đăng ký kết hôn trái pháp luật (Điều 149) và Tội từ chối hoặc chôn tránh nghĩa vụ cấp

đương (Điều 152). Tuy nhiên những hành vi này trên thực tế có thể xử lý bằng những biện pháp phi hình sự khác như biện pháp hành chính, giáo dục, thuyết phục... Vì vậy điểm đặc trưng của nhóm tội này là ngoài tội loạn luân, để cấu thành tội phạm ở các điều còn lại đòi hỏi chủ thể thực hiện hành vi phải bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật (đối với Tội đăng ký kết hôn trái pháp luật) về hành vi vi phạm đó rồi mà tiếp tục tái phạm thì mới bị truy cứu TNHS. Chính phủ đã ra Nghị định số 87/2001 ngày 21/11/2001 về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hôn nhân và Gia đình. Trong đó có quy định: "*Cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu qua 1 năm kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì coi là chưa bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực hôn nhân gia đình*" (Điều 5). Như vậy trong thời hạn một năm đó mà cá nhân lại thực hiện hành vi như cũ thì sẽ bị xử lý về hình sự.

f) Các tội phạm mại dâm

Trong những năm gần đây, nền kinh tế đất nước đã có bước tăng trưởng nhưng một số tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn mại dâm có nguy cơ phát triển trở lại trên bình diện rộng. Tình hình tệ nạn mại dâm ở nhiều địa phương còn nghiêm trọng cả về quy mô, tính chất và thủ đoạn hoạt động.

Mại dâm được hiểu là hành vi quan hệ tình dục và các hành vi khác nhằm thoả mãn tình dục ngoài hôn nhân và có tính chất mua bán. Có 4 loại người tham gia vào hoạt động mại dâm là người mua dâm, người bán dâm, người môi giới mua bán dâm và người chửa chấp mại dâm. Trong BLHS, các tội phạm mại dâm nằm trong chương các tội xâm phạm trật tự an toàn công cộng bao gồm 3 tội là : Tội chửa mại dâm (Điều 254), Tội môi giới mại dâm (Điều 255) và Tội mua dâm người chưa thành niên (Điều 256). Đây là các hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trật tự an toàn công cộng, nếp sống văn minh, lành mạnh, xâm phạm đến sức khỏe của con người (nhất là người phụ nữ). Xét về lý luận, thì tham gia vào tệ nạn mại dâm có thể là nam, nữ và đối tượng bị thiệt hại về sức khỏe cũng có thể là cả nam và nữ. Nhưng thực tế thì nam thường là đối tượng mua dâm và nữ

thường là đối tượng bán dâm. Hành vi bán dâm của phụ nữ do nhiều nguyên nhân khác nhau (do sa đọa, do muốn có tiền tiêu sài, do nghèo đói, và thậm chí do bị cưỡng ép...) song dù cho nguyên nhân nào thì việc kinh doanh trên thân xác của người phụ nữ là hành vi đáng bị lên án. Đây là chưa kể đến một loạt những hậu quả tiếp theo của tệ nạn này như làm truyền nhiễm, lây lan đại dịch HIV/AIDS và các bệnh phụ nữ khác, sự suy đồi các giá trị văn hoá, tha hoá đạo đức, ảnh hưởng xấu đến nòi giống, phá vỡ hạnh phúc gia đình... Từ đó tác động xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, BLHS coi đây là những tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Mức hình phạt chính đối với các tội này là phạt tù (thấp nhất là 6 tháng và cao nhất là tù chung thân (Khoản 4/ Điều 254 Tội chứa mại dâm trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng).

Lưu ý rằng việc mua - bán dâm không bị xử lý về hình sự mà bị xử lý về hành chính. Nhà nước chỉ xử lý về hình sự hành vi mua dâm người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) vì đối tượng bán dâm ở đây là đối tượng bảo hộ đặc biệt của Nhà nước có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi chưa hoàn thiện. Theo chúng tôi, nên chăng ghi nhận trong BLHS hành vi mua - bán dâm là hành vi phạm tội với điều kiện những hành vi này đã bị xử lý vi phạm hành chính mà còn vi phạm thì sẽ bị xử lý về mặt hình sự.

Gần đây, (ngày 28/12/2000) Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 151/2000/QĐ -TTG về việc phê duyệt Chương trình phòng, chống tệ nạn mại dâm trong giai đoạn 2001-2005 với mục tiêu chung là: "*Phòng ngừa, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tệ nạn mại dâm. Đối với những địa bàn chưa có tệ nạn mại dâm thì không để phát sinh tệ nạn mại dâm. Đối với những địa bàn có tệ nạn mại dâm nhưng chưa nghiêm trọng thì tích cực đấu tranh xoá bỏ tệ nạn mại dâm. Đối với những địa bàn có tệ nạn mại dâm nghiêm trọng thì kiên quyết đấu tranh để giảm cơ bản tệ nạn mại dâm*" (Phần thứ hai, Mục II, Điểm 1)

2. LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC BẢO VỆ QUYỀN PHỤ NỮ

Không chỉ có luật hình sự mà luật tố tụng hình sự của ghi nhận những nguyên tắc với mục đích bảo đảm các quyền của con người nói chung và các quyền lợi đặc thù của người phụ nữ nói riêng xuất phát từ góc độ giới. Mặt khác Bộ luật TTHS cũng quy định những cơ chế để các tổ chức xã hội (trong đó có Hội liên hiệp phụ nữ với tư cách là tổ chức xã hội của người phụ nữ) được tham gia các hoạt động tố tụng hình sự.

2.1. Trước tiên, các nguyên tắc cơ bản được xác định là

- Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân (Điều 3). Đó là các quyền mà Hiến pháp 1992 đã quy định. Điều này thể hiện bản chất của nền dân chủ XHCN, luôn đề cao và tôn trọng các quyền của con người, vì lợi ích con người.

- Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật (Điều 4): "*Tố tụng hình sự tiến hành theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội. Bất cứ người nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật*".

- Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân (Điều 5) "*Không ai có thể bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát. Việc bắt và giam giữ người phải theo đúng quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình*".

- Nguyên tắc Bảo hộ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự và nhân phẩm của công dân (Điều 6); Nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân (Điều 7)

- Đặc biệt, Bộ luật TTHS ghi nhận một nguyên tắc quan trọng về việc tham gia tố tụng của các tổ chức xã hội và công dân (Điều 8). Sự tham gia này vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của họ. Hội liên hiệp phụ nữ với tư cách là thành viên của mặt trận Tổ quốc, đại diện cho quyền

lợi người phụ nữ được góp phần mình trong đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ các quyền và lợi ích của công dân. Đây là một trong những nội dung cơ bản của yêu cầu dân chủ hoá trong hoạt động TTHS, thể hiện tư tưởng "lấy dân làm gốc" ngay trên mặt trận phòng, chống tội phạm.

2.2. Những hình thức để công dân và Tổ chức xã hội (Hội phụ nữ) có thể tham gia vào hoạt động xử lý tội phạm xâm phạm phụ nữ

+ Công dân có thể tố giác tội phạm với cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án, Cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức XH. Như vậy Hội phụ nữ có thể là nơi tiếp nhận tố giác này, phải có trách nhiệm báo tin ngay về tội phạm cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát.

+ Bản thân các Tổ chức xã hội trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình cũng có thể trực tiếp phát hiện tội phạm hoặc nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khi đó họ phải có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát. *VD: Chị H là Chủ tịch Hội phụ nữ Xã G trong buổi họp phụ nữ nhận thấy chị T là Hội viên có nhiều biểu hiện lạ (mặt mõi, xanh xao và trên mặt có những vết xước, thâm tím như thể bị ai đánh đập...). Thấy vậy chị hỏi Chị T là có chuyện gì xảy ra không, chị T khóc và chỉ nói "Đời tôi khổ lắm chị ạ". Chị H đã báo hiện tượng này đến Công an Xã. Quan điều tra, công an Xã đã phát hiện chị T thường xuyên bị chồng đánh đập, đối xử tàn ác mỗi khi anh ta say rượu. Lý do là chị T chỉ sinh con gái.*

+ Công dân hoặc đại diện Tổ chức xã hội có thể là người làm chứng trong các vụ án hoặc người chứng kiến trong các hoạt động tố tụng hình sự (khám nhà, khám người...)

+ Tổ chức xã hội có thể được mời tham dự phiên toà khi cần thiết, được đứng ra bảo lãnh cho bị can, bị cáo và tham gia cùng với chính quyền cơ sở giám sát, giáo dục người bị phạt cải tạo không giam giữ, người bị kết án tù nhưng được hưởng án treo. Nếu thấy người bị kết án có nhiều tiến bộ, họ có quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách.

+ Vai trò của các Tổ chức xã hội trong khác hoạt động tố tụng hình sự còn được thể hiện ở quyền phát hiện những hành vi vi phạm

pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2.3. Những biện pháp ngăn chặn mà các cơ quan tiến hành tố tụng được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án

Trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm mục đích ngăn chặn không cho tội phạm tiếp tục xảy ra và tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra, truy tố xét xử, thi hành án hình sự, Bộ luật TTHS qui định cho các cơ quan tiến hành tố tụng được áp dụng những biện pháp ngăn chặn sau: *Bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài có giá trị để bảo đảm*. Đối tượng bị áp dụng các biện pháp này tùy thuộc vào từng biện pháp cụ thể. Tuy nhiên, nếu đối tượng bị áp dụng là phụ nữ thì pháp luật hình sự cũng có những quy định đặc thù.

- **Bắt người** là biện pháp ngăn chặn của tố tụng hình sự được áp dụng đối với bị can, bị cáo, người bị tình nghi thực hiện tội phạm hoặc người phạm tội quả tang hoặc có lệnh truy nã nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ phạm tội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự. Luật tố tụng hình sự qui định ba trường hợp bắt người với những căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục khác nhau: (1) Bắt bị can, bị cáo để tạm giam (Điều 62); (2) Bắt người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 63); (3) Bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc có lệnh truy nã (Điều 64).

- **Tạm giữ** là biện pháp ngăn chặn do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền quyết định tước tự do thân thể trong thời hạn nhất định đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang. Do vậy, việc triệu tập một người có dấu hiệu phạm tội đến cơ quan điều tra để lấy lời khai rồi ra quyết định tạm giữ ngay là việc làm trái pháp luật. Ở cấp địa phương, cấp thấp nhất có quyền ra lệnh tạm giữ là Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp Huyện. Cấp xã không có quyền này. Thời hạn tạm giữ tối đa 3 ngày đêm, được gia hạn tối đa 2 lần, mỗi lần tối đa 3 ngày.

- **Tạm giam** là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong tố tụng hình sự do cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với bị can, bị

cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng mà BLHS qui định hình phạt trên hai năm tù và có những căn cứ để cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội. *Tuy nhiên, nếu bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi mà có nơi cư trú rõ ràng thì không áp dụng biện pháp ngăn chặn này mà chuyển sang biện pháp khác*, trừ trường đặc biệt thấy cần phải tạm giam họ.

Tất cả những đối tượng bị tạm giam, tạm giữ đều phải có lệnh tạm giam, lệnh tạm giữ và được gửi đến nhà tạm giữ (được tổ chức ở mỗi cấp Công an Huyện) hoặc trại tạm giam (được tổ chức 1,2 nhà ở mỗi cấp công an Tỉnh). Nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giam, tạm giữ. Trong Nhà tạm giữ, Trại tạm giam thì tiêu chuẩn giới tính (là phụ nữ) được coi là tiêu chuẩn quan trọng để bố trí khu vực giam, giữ. Không được giam, giữ nam và nữ trong cùng một khu vực.

- Ngoài các biện pháp ngăn chặn nói trên, Bộ luật TTHS có quy định các biện pháp ngăn chặn khác, trong đó đòi hỏi sự tham gia tích cực của Chính quyền Xã và Tổ chức xã hội: **Cấm đi khỏi nơi cư trú** là biện pháp ngăn chặn của tố tụng hình sự áp dụng đối với bị can, bị cáo, buộc họ không được đi khỏi nơi cư trú và có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Tổ chức xã hội và Chính quyền địa phương phải có trách nhiệm phối hợp để quản lý bị can, bị cáo tại địa phương. **Bảo lãnh** là biện pháp ngăn chặn của tố tụng hình sự được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với bị can, bị cáo khi có cá nhân hoặc tổ chức làm giấy cam đoan không để bị can, bị cáo, tiếp tục phạm tội hoặc cản trở việc tiến hành tố tụng và đảm bảo sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ được áp dụng các biện pháp ngăn chặn nêu trên khi có căn cứ được Luật tố tụng hình sự qui định cho từng biện pháp. Trong quá trình áp dụng khi không còn căn cứ đó thì cơ quan tiến hành tố tụng phải huỷ bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

2.4. Việc thi hành án của phạm nhân nữ và Quy chế trại tạm giam, tạm giữ và trại giam đối với phạm nhân nữ

- Đối với nữ phạm nhân bị kết án tử hình, trước khi thi hành án thì Hội đồng thi hành án phải kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện không được thi hành án tử hình đã được quy định tại Điều 35 BLHS (đã nói trên). Nếu phát hiện thấy có thì Hội đồng thi hành án phải hoãn thi hành để báo cáo Chánh án Toà án nhân dân tối cao xem xét chuyển tử hình thành tù chung thân.

- Đối với nữ phạm nhân bị kết án tù mà đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng thì Chánh án Toà án đã xử sơ thẩm hoặc Toà án được uỷ thác thi hành án cho họ hoãn đến khi con của họ đủ 36 tháng. Khi đó họ sẽ được giao về Công an Xã, Phường, Thị trấn nơi họ thường trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc quản lý.

- Nữ phạm nhân chấp hành án tù trong trại giam được hưởng quy chế ăn, mặc, khám chữa bệnh, lao động, học tập, thăm thân...theo Quy chế trại giam ban hành theo Nghị định 60/CP ngày 16/09/1993 của Chính phủ. Theo đó họ được giam riêng, được quyền làm mẹ, hưởng chế độ nghỉ trước và sau khi đẻ theo quy định chung của Nhà nước. Những phụ nữ có con nhỏ dưới 2 tuổi được giam chung một buồng. Khi con trên 2 tuổi họ phải gửi về cho gia đình. Mỗi năm sinh hoạt tại trại giam, họ được những khoản phụ cấp thêm để chi cho vệ sinh phụ nữ và nuôi con nhỏ (nếu có)

Nhân đạo là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Người phụ nữ cho dù họ có là người phạm tội, đáng bị XH lên án như thế nào thì cũng cần được sự quan tâm cần thiết. Pháp luật tố tụng hình sự nước ta đã đảm bảo được nguyên tắc đó.